

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hường

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1985; Nơi thường trú: TDP M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Ông Vũ Duy T, sinh năm 1975; Nơi thường trú: TDP M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Y và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày:

Chị và anh Vũ Duy T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2006 tại UBND xã T nay là thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc được những năm đầu, khoảng 13 năm nay thì liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống

nên không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm giữa chị với anh T không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh T để chị yên tâm làm ăn, sinh sống. Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Duy T1, sinh ngày 24/01/2009. Hiện con chung đang ở cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là hai triệu đồng mỗi tháng đến khi con chung trưởng thành, tự lập. Vợ chồng chị tự thoả thuận về tài sản, khoản nợ, công sức đóng góp nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Duy T trình bày:

Anh T xác nhận thời điểm kết hôn như chị Y đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do chị Y không chung thủy; anh cùng gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Y không thay đổi. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng anh có 01 con chung như chị Y đã trình bày. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp, chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con thì anh cùng đồng ý. Vợ chồng anh tự thoả thuận về tài sản, công nợ, công sức đóng góp nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71, 72 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Vũ Duy T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2006 tại UBND xã T nay là thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị Y và anh Vũ Duy T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh T nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị Y nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và

anh T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là Vũ Duy T1, sinh ngày 24/01/2009. Hiện con chung đang ở cùng với anh T. Xét nguyện vọng của chị Y, anh T và nguyện vọng của con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên giao cháu Vũ Duy T1 cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng mỗi tháng đến khi con chung trưởng thành, tự lập và anh T cũng đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Vũ Duy T.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Duy T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Duy T1, sinh ngày 24/01/2009. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng mỗi tháng kể từ tháng 5 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành, tự lập và có khả năng lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

Chị Phạm Thị Y phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0004243 ngày 21/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Y còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND thị trấn Ninh Cường;
- Lưu HS, VP.

Vũ Hoàng Giang